

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**NGUYỄN THỊ KIM CHI**

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ  
TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHIỆT ĐIỆN THUỘC  
TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

*Chuyên ngành:* Kế toán

*Mã số:* 9.34.03.01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2023**

**Công trình được hoàn thành  
tại Học viện Tài chính**

***Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Trương Thị Thủy***

***Phản biện 1:*** .....

.....

***Phản biện 2:*** .....

.....

***Phản biện 3:*** .....

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án  
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính**

*Vào hồi ..... giờ....., ngày..... tháng..... năm 20....*

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia  
và Thư viện Học viện Tài chính**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Bài toán quản trị chi phí luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu đối với bất kỳ một doanh nghiệp (DN) nào tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh. Theo đó, kế toán quản trị chi phí (KTQTCP) được xem là công cụ đắc lực cho nhà quản trị với nhiệm vụ cung cấp thông tin hữu ích cho công tác quản lý và kiểm soát chi phí. Nhìn từ góc độ lý luận, hoàn thiện KTQTCP luôn là đề tài nghiên cứu thiết thực đối với các doanh nghiệp, nhất là trong điều kiện môi trường kinh doanh cạnh tranh quyết liệt như hiện nay.

Nhìn từ góc độ thực tiễn, tại bất kỳ quốc gia nào, các doanh nghiệp Điện lực luôn giữ một vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và đời sống xã hội. Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập tại Việt Nam, nhu cầu về điện ngày càng tăng cao, sản phẩm điện năng được sản xuất ra ngoài việc đáp ứng cho nền kinh tế và đời sống xã hội nói chung, nó còn mang một ý nghĩa vô cùng quan trọng khi kết hợp cùng các ngành kinh tế khác thực hiện mục tiêu chiến lược quốc gia. Trong hệ thống điện Việt Nam, nhiệt điện luôn giữ vai trò chủ đạo và là ngành kinh tế mũi nhọn, luôn được ưu tiên đầu tư phát triển với số vốn đầu tư rất lớn. Theo đó, một hệ thống quản trị hiệu quả đối với ngành nhiệt điện là yêu cầu bắt buộc. Việc nghiên cứu và ứng dụng các công cụ quản lý kinh tế tại các doanh nghiệp nhiệt điện Việt Nam là vô cùng cấp thiết, đặc biệt, các công cụ thuộc lĩnh vực kế toán là chìa khóa then chốt giúp giải quyết vấn đề quản trị DN. Trong đó, KTQTCP nếu được tổ chức hiệu quả sẽ tham vấn và hỗ trợ hữu ích cho các nhà quản trị DN nhiệt điện, hệ thống thông tin thích hợp mà KTQTCP cung cấp chắc chắn sẽ mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng trong quản lý kinh tế tại các đơn vị này. Vì vậy, tác giả đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam”** làm đề tài nghiên cứu cho luận án của mình.

Luận án là tài liệu nghiên cứu khoa học cho các vấn đề lý luận chung về KTQTCP, là tài liệu tham khảo cho các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) để có thể áp dụng các công cụ KTQTCP nhằm nâng cao hiệu quả quản trị của doanh nghiệp. Với sự không trùng lặp với bất cứ đề tài nào trước đây, tác giả nhận thấy rằng việc thực hiện đề tài này là rất cần thiết, xét trên cả phương diện lý luận lẫn phương diện thực tiễn.

### 2. Tổng quan những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về kế toán quản trị doanh nghiệp trên những phương diện khác nhau, trong những điều kiện áp dụng cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực cũng như trong từng không gian và khoảng thời gian khác nhau. Các công trình nghiên cứu của các tác giả có liên quan đến KTQTCP được chia thành các nhóm chính như: (1) Các nghiên cứu về KTQTCP

trong vai trò trợ giúp các chức năng quản trị doanh nghiệp; (2) Các nghiên cứu về các nội dung của KTQTCB; (3) Các nghiên cứu về các yếu tố tác động đến việc áp dụng KTQT chi phí SXKD; (4) Các nghiên cứu về kế toán quản trị (KTQT) trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh điện.

### **3. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu và xác lập vấn đề nghiên cứu**

#### **3.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu**

#### **3.2. Khoảng trống nghiên cứu**

+ Chưa có nghiên cứu về việc vận dụng cụ thể các phương pháp kế toán quản trị chi phí trong bối cảnh nền kinh tế và hệ thống quản lý trong các doanh nghiệp sản xuất nhiệt điện EVN.

+ Các công trình trước đây đã nghiên cứu về các nhân tố tác động và mức độ tác động của chúng đến việc áp dụng KTQTCB trong các DN chưa có sự thống nhất về số lượng các nhân tố tác động. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc áp dụng KTQTCB trong các DN nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam - một ngành sản xuất đặc thù là điều cần được xem xét để tạo căn cứ đề xuất các giải pháp, điều kiện ứng dụng một cách phù hợp nhất.

+ Với xu thế hướng tới phát triển bền vững như hiện nay, việc nghiên cứu vận dụng công cụ kế toán quản trị chi phí môi trường giúp nhà quản lý xác định chi phí môi trường thường bị ẩn trong hệ thống kế toán hiện có là một giải pháp vô cùng hữu ích, nhất là đối với một ngành sản xuất có tác động rất lớn đến môi trường như ngành sản xuất nhiệt điện.

+ Kế toán môi trường được áp dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, nhiều ngành sản xuất khác nhau. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu nhằm ứng dụng MFCA trong hệ thống các doanh nghiệp có lượng phát thải ảnh hưởng lớn đến môi trường như ngành sản xuất nhiệt điện.

+ Các công trình nghiên cứu trước đây đã vận dụng thành công phương pháp phân tích SWOT (Strengths - Weaknesses - Opportunities - Threats) để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức gắn liền với mục tiêu chiến lược của các doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Theo đó, tác giả thấy có thể vận dụng phương pháp này để xem xét bốn phương diện của SWOT tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN làm tiền đề cho việc đề xuất các giải pháp KTQTCB phù hợp tại những đơn vị này.

#### **3.3. Xác lập vấn đề nghiên cứu**

### **4. Mục tiêu và các câu hỏi nghiên cứu**

Luận án sẽ tập trung đạt được mục tiêu nghiên cứu sau:

*Mục tiêu tổng quát:* Nghiên cứu hoàn thiện KTQTCB tại các doanh nghiệp sản xuất nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam.

*Mục tiêu cụ thể:*

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận về KTQTCP trong doanh nghiệp sản xuất và các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP tại các doanh nghiệp.
- Khảo sát, đánh giá thực trạng KTQTCP tại các DN sản xuất nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP tại các DN sản xuất nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện KTQTCP tại các DN sản xuất nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam trong điều kiện hiện nay và tầm nhìn đến năm 2030.

Theo đó, các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là:

**Câu hỏi 1:** KTQTCP trong các DNSX bao gồm những nội dung gì ?

**Câu hỏi 2:** KTQTCP trong các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam đang được thực hiện như thế nào?

**Câu hỏi 3:** Các nhân tố nào ảnh hưởng đến vận dụng KTQTCP trong các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam?

**Câu hỏi 4:** Giải pháp nhằm hoàn thiện KTQTCP trong các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam?

## **5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **5.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận về KTQTCP trong các DN sản xuất và thực trạng KTQTCP trong các DN sản xuất nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam.

### **5.2. Phạm vi nghiên cứu**

*Về nội dung:* Luận án chỉ tập trung nghiên cứu KTQTCP đối với các khoản mục chi phí sản xuất, chi phí ngoài sản xuất tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam và không nghiên cứu các khoản mục chi phí tài chính, chi phí khác.

*Về không gian:* 14 doanh nghiệp nhiệt điện tác giả lựa chọn nghiên cứu là những đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và được tập đoàn đầu tư 100% vốn điều lệ, trong đó, có một số nội dung thực trạng liên quan đến KTQTCP được tác giả nghiên cứu điển hình tại Công ty CP nhiệt điện Quảng Ninh.

*Về thời gian:* khảo sát thực trạng KTQTCP tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc EVN với các tài liệu từ năm 2018 đến năm 2022 và chiến lược phát triển ngành sản xuất nhiệt điện tầm nhìn đến năm 2030.

## **6. Phương pháp nghiên cứu**

### **6.1. Phương pháp thu thập dữ liệu**

**Gồm:**

- Thu thập dữ liệu thứ cấp

- Thu thập dữ liệu sơ cấp: phiếu điều tra, khảo sát, phỏng vấn sâu và quan sát trực quan.

### **6.2. Phương pháp nghiên cứu định tính**

Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính nhằm xây dựng các vấn đề về cơ sở lý luận của Kế toán quản trị chi phí. Trên cơ sở phân tích, đánh giá các yếu tố liên quan trong môi quan hệ biện chứng giữa các sự vật hiện tượng và tính lịch sử cụ thể của chúng, luận án sử dụng các phương pháp tổng hợp, phân loại, hệ thống hoá để khái quát về khái niệm, vai trò, nội dung KTQTCP tại các doanh nghiệp sản xuất và các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng Kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp.

### **6.3. Phương pháp nghiên cứu định lượng**

Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng chủ yếu trong việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng Kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam nhằm làm sáng tỏ mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến việc vận dụng KTQTCP, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp. Kết quả nghiên cứu được tổng hợp, xử lý trên phần mềm SPSS 22.0 theo các bước công việc cụ thể sau:

- Kiểm định chất lượng của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha
- Phân tích nhân tố khám phá EFA: sử dụng kiểm định KMO, Bartlett và phương sai trích để xác định hệ thống thang đo đại diện.
- Kiểm định sự tương quan tuyến tính giữa nhân tố độc lập và nhân tố phụ thuộc
- Phân tích hồi quy đa biến: Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình hồi quy, xác định phương trình hồi quy.

### **7. Đóng góp của luận án.**

- *Về mặt lý luận:* Hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về KTQTCP và các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP trong các DN sản xuất.

- *Về mặt thực tiễn:*

+ Nghiên cứu thực trạng KTQTCP tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam, đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố đến khả năng vận dụng KTQTCP tại các doanh nghiệp này.

+ Đề xuất giải pháp hoàn thiện KTQTCP tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam trong đó chú trọng đến các giải pháp theo định hướng ứng dụng kỹ thuật KTQTCP hiện đại nhằm sử dụng tiết kiệm các nguồn lực, nâng cao hiệu quả kinh tế, hướng tới phát triển bền vững và góp phần làm gia tăng các giá trị cho DN.

### **8. Kết cấu Luận án**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án bao gồm 03 chương:

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC VẬN DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

### 1.1. Khái quát về Kế toán quản trị chi phí

#### 1.1.1. Kế toán quản trị

Có rất nhiều quan điểm về KTQT, song tựu chung lại, KTQT là một bộ phận không thể tách rời của hệ thống kế toán trong doanh nghiệp. KTQT với vai trò cung cấp, hỗ trợ các thông tin định lượng kết hợp với định tính cần thiết, giúp nhà quản trị trong việc định hướng và kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của doanh nghiệp, thực hiện tốt mục tiêu của doanh nghiệp. Ngoài ra, với những tổ chức có hoạt động SXKD tác động đến môi trường, KTQT còn có vai trò thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp các thông tin liên quan tới môi trường, từ đó cải thiện hoạt động của DN ở cả khía cạnh tài chính và môi trường hướng tới KTQT phát triển bền vững.

#### 1.1.2. Kế toán quản trị chi phí

##### 1.1.2.1. Tổng quan về Kế toán quản trị chi phí

Có thể khái quát như sau: *Kế toán quản trị chi phí sản xuất kinh doanh là một bộ phận của kế toán quản trị nói riêng và của hệ thống Kế toán nói chung, thực hiện thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin về chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý chi phí của các nhà quản trị.*

##### 1.1.2.2. Yêu cầu, nguyên tắc và vai trò của kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất

- Yêu cầu, nguyên tắc của kế toán quản trị chi phí
- Vai trò của kế toán quản trị chi phí đối với doanh nghiệp

### 1.2. Nội dung Kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất

#### 1.2.1. Nhận diện và phân loại chi phí

##### 1.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố chi phí.

##### 1.2.1.2. Phân loại chi phí SXKD theo khoản mục chi phí

##### 1.2.1.3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ chi phí và khả năng quy nạp chi phí vào các đối tượng kế toán chi phí

##### 1.2.1.4. Phân loại chi phí SXKD theo mối quan hệ với mức độ hoạt động (theo ứng xử chi phí)

### ***1.2.1.5. Phân loại chi phí theo sự ảnh hưởng tới việc lựa chọn phương án kinh doanh***

#### ***1.2.1.6. Phân loại chi phí theo khả năng kiểm soát chi phí***

### ***1.2.2. Xây dựng định mức chi phí và lập dự toán chi phí***

#### ***1.2.2.1 Xây dựng định mức chi phí***

Phương pháp xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Phương pháp xây dựng định mức chi phí nhân công trực tiếp

Phương pháp xây dựng định mức chi phí sản xuất chung

Tổng hợp các định mức chi phí theo yếu tố

#### ***1.2.2.2. Lập dự toán chi phí***

Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp:

Dự toán chi phí sản xuất chung

Tổng hợp dự toán chi phí sản xuất

Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

### ***1.2.3. Phân tích biến động chi phí***

### ***1.2.4. Trung tâm trách nhiệm chi phí trong mô hình Kế toán trách nhiệm***

### ***1.2.5. Kế toán quản trị chi phí môi trường - ECMA***

#### ***1.2.5.1. Kế toán môi trường***

#### ***1.2.5.2. Kế toán quản trị chi phí môi trường***

Tựu chung lại, KTQTCP môi trường là quá trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về chi phí môi trường cho các nhà quản trị doanh nghiệp giúp các nhà quản trị ra quyết định hiệu quả trong mục tiêu phát triển bền vững.

#### ***1.2.5.3. Các nội dung của KTQTCP môi trường***

##### ***a. Nhận diện và phân loại chi phí môi trường***

\* Căn cứ vào nội dung, công dụng của chi phí, chi phí môi trường được chia thành

\*Căn cứ vào mức độ hoạt động, chi phí môi trường có thể được chia thành:

##### ***b. Phương pháp xác định chi phí môi trường***

+ Phương pháp truyền thống

+ Phương pháp dựa trên hoạt động (Activity based cost - ABC)

+ Phương pháp chi phí chu kỳ sống sản phẩm (Life Cycle Cost -LCC)

+ Phương pháp kế toán dòng vật liệu (Material Flow Cost Accounting -

MFCA.

##### ***c. Báo cáo KTQTCP môi trường***

### ***1.2.6. Kế toán chi phí dòng nguyên vật liệu - MFCA***



## **Các yếu tố cơ bản của MFCA**

- (1) Xác định các trung tâm định lượng
- (2) Cân bằng vật liệu
- (3) Ghi nhận và tính toán chi phí

### **1.2.7. Báo cáo kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất**

#### **1.2.7.1. Báo cáo kế toán quản trị chi phí**

#### **1.2.7.2. Phân tích các báo cáo kế toán quản trị chi phí**

## **1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp**

### **1.3.1. Cơ sở lý thuyết**

- \* Lý thuyết bất định
- \* Lý thuyết thể chế
- \* Lý thuyết quan hệ lợi ích và chi phí
- \* Lý thuyết các bên liên quan

### **1.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng**

Từ các mô hình nghiên cứu trước đây đã được kiểm định thành công, tác giả tóm lược một số nhân tố được cho là có tác động đến việc vận dụng KTQTCP trong DN như sau:

- \* Nhân tố Chiến lược kinh doanh
- \* Nhân tố Quan điểm của nhà quản trị
- \* Nhân tố Trình độ nhân viên kế toán trong DN
- \* Nhân tố Chi phí và lợi ích
- \* Nhân tố Quy định pháp lý
- \* Nhân tố Tính hiệu quả việc cung cấp thông tin kế toán

## **TÓM TẮT CHƯƠNG 1**

### **CHƯƠNG 2**

## **THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHIỆT ĐIỆN THUỘC TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

### **2.1. Khái quát về các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

#### **2.1.1. Tổng quan về Tập đoàn Điện lực Việt Nam**

Tổng công ty Điện lực Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 10/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị

thuộc Bộ Năng lượng; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ ban hành kèm theo Nghị định số 14/CP ngày 27/1/1995 của Chính phủ.

- Tên gọi đầy đủ: TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM.
- Tên giao dịch: TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM.
- Tên giao dịch tiếng Anh: VIETNAM ELECTRICITY.
- Tên gọi tắt: EVN.

\* *Loại hình doanh nghiệp*: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

\* *Ngành, nghề kinh doanh chính*:

- Sản xuất, truyền tải, phân phối và kinh doanh mua bán điện năng; chỉ huy điều hành hệ thống sản xuất, truyền tải, phân phối và phân bổ điện năng trong hệ thống điện quốc gia;

- Xuất nhập khẩu điện năng;

- Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án điện;

- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hóa thuộc dây truyền sản xuất, truyền tải và phân phối điện, công trình điện; thí nghiệm điện.

- Tư vấn quản lý dự án, tư vấn khảo sát thiết kế, tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, lập dự toán, tư vấn thẩm tra và giám sát thi công công trình nguồn điện, các công trình đường dây và trạm biến áp.

### ***2.1.2. Sự hình thành và phát triển của các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam***

Tại EVN hiện nay, tổng số có 14 nhà máy nhiệt điện đã xây dựng và đã đi vào vận hành với đặc thù công nghệ của các nhà máy nhiệt điện than thì nguyên vật liệu chính sử dụng là than cám, ngoài ra khi khởi động lò hơi hoặc khi công suất lò thấp thì có sử dụng thêm dầu DO để khởi động và dầu FO để đốt kèm. Ngoài sản phẩm chính sản xuất ra là điện năng, các nhà máy nhiệt điện còn tạo ra các sản phẩm phụ là tro xỉ, thạch cao thải ra với khối lượng tương đối lớn khoảng hơn 15,7 triệu tấn/năm.

## **2.2. Những đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh ảnh hưởng đến kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

### ***2.2.1. Đặc điểm quy trình sản xuất điện tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam***

*Các bộ phận trong dây chuyền sản xuất điện*

*Quy trình sản xuất nhiệt điện*

### ***2.2.2. Đặc điểm nguyên vật liệu đầu vào trong quá trình sản xuất tại doanh nghiệp nhiệt điện***

Trong cơ cấu chi phí sản xuất nhiệt điện, chi phí nguyên nhiên vật liệu thường

chiếm tỷ trọng lớn, lên tới 65 - 67% trong tổng giá thành điện của doanh nghiệp.

### **2.2.3. Đặc điểm sản phẩm và công nghệ của các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

*Thứ nhất, đặc điểm về sản phẩm:* các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam sản xuất một loại sản phẩm duy nhất là sản phẩm điện có đơn vị tính là kWh. Đây là sản phẩm có tính đặc thù, không có thứ phẩm, không có sản phẩm hỏng, không có sản phẩm dở dang và không có sản phẩm tồn kho với thời điểm sản xuất cũng đồng thời là thời điểm tiêu thụ. Sản phẩm điện của các doanh nghiệp nhiệt điện EVN sản xuất được hòa lên lưới điện của hệ thống điện quốc gia, đảm bảo đáp ứng cho dân sinh và phục vụ sản xuất kinh doanh, sản xuất công nghiệp. Đồng thời với quá trình tạo ra sản phẩm chính thì chất thải được thu hồi đó là tro, xỉ - được thải ra từ xưởng nhiệt điện trong suốt quá trình đốt nhiều giai đoạn.

*Thứ hai, đặc điểm về quy trình sản xuất và công nghệ:* quy trình sản xuất điện ở các doanh nghiệp nhiệt điện đều theo chu trình công nghệ khép kín, chế biến qua nhiều khâu liên tục phức tạp.

Đối với những doanh nghiệp có quy trình sản xuất từ khâu khai thác tài nguyên thì chi phí phát sinh từ khâu thăm dò, đánh giá chất lượng, trữ lượng, chi phí nổ mìn, đập nhỏ, bóc xúc, vận chuyển, nghiền vv...sau đó mới đến công đoạn đồng nhất vật tư vào công đoạn sản xuất điện. Còn đối với những doanh nghiệp không trực tiếp khai thác thì chi phí bắt đầu từ khâu mua nguyên liệu như than, dầu... về làm ở công đoạn sau là sản xuất điện.

Với những công ty còn sử dụng công nghệ sản xuất lò đứng thì tỷ lệ hao hụt vật liệu cao, điện năng tiêu thụ lớn, sử dụng nhiều lao động trực tiếp, chi phí xử lý ô nhiễm môi trường cao khó có khả năng tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

*Thứ ba, đặc điểm về giá thành:* mặc dù quá trình sản xuất điện và tiêu thụ điện được diễn ra đồng thời, song quá trình hạch toán chi phí và tính giá thành điện lại được chia thành ba giai đoạn:

Giai đoạn 1: giai đoạn sản xuất điện phát lên lưới. Giai đoạn này yêu cầu tập hợp chi phí và tính giá thành 1 kWh điện phát lưới.

Giai đoạn 2: giai đoạn truyền tải điện. Giai đoạn này yêu cầu tập hợp chi phí và tính giá thành 1 kWh điện truyền tải.

Giai đoạn 3: giai đoạn phân phối điện. Giai đoạn này yêu cầu tập hợp chi phí và tính giá thành 1 kWh điện tiêu thụ.

*Thứ tư, đặc điểm về giá trị tài sản cố định đầu tư cho sản xuất:* ngành sản xuất điện là một ngành sản xuất đặc thù với giá trị tài sản cố định đầu tư cho sản xuất nhiệt điện là rất lớn gồm: nhà văn phòng, nhà xưởng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất ... Theo đó, chi phí khấu hao TSCĐ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí, ảnh hưởng đáng kể đến giá thành sản phẩm.

#### ***2.2.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam***

Tổng hợp kết quả khảo sát thu được, tác giả rút ra một số đặc điểm chung về tổ chức công tác kế toán của các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam như sau:

- Các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam đều sử dụng phần mềm kế toán Esoft.
- Niên độ kế toán: niên độ kế toán theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 1/1 đến ngày 31/12;
- Kỳ tính giá thành của các công ty nhiệt điện EVN: theo tháng
- Tất cả các công ty nhiệt điện thuộc EVN đều hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ;
- Chế độ kế toán: Tất cả các doanh nghiệp nhiệt điện EVN đều đang áp dụng thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200.

### **2.3. Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

#### ***2.3.1. Thực trạng tổ chức bộ máy kế toán của các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam***

Kết quả khảo sát cho thấy Bộ máy kế toán tại các doanh nghiệp nhiệt điện đều được tổ chức theo mô hình tập trung, phù hợp với đặc điểm của các công ty nhiệt điện có quy mô lớn, địa điểm sản xuất tập trung.

Cũng theo kết quả khảo sát các công ty đều chưa tách biệt KTQT thành một bộ phận riêng biệt, hiện tại công việc KTQT vẫn do cán bộ KTTC thực hiện kết hợp. Tuy nhiên việc tổ chức theo mô hình kết hợp giữa KTTC với KTQT được tất cả các công ty thực hiện vì các nhà quản trị cho rằng mô hình này phù hợp với điều kiện hiện tại của các công ty nhiệt điện EVN. Qua quá trình phỏng vấn và khảo sát tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN về thực trạng sử dụng thông tin của KTQT chi phí SXKD, các nhà quản trị đều cho rằng hiện tại họ sử dụng thông tin do KTTC cung cấp nhiều hơn. Bộ phận kế toán trong doanh nghiệp chủ yếu thực hiện công việc của kế toán tài chính, công việc kế toán quản trị còn được thực hiện ở các bộ phận liên quan khác trong DN như bộ phận lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, bộ phận vật tư, bộ phận lao động tiền lương,...

#### ***2.3.2. Thực trạng nhận diện và phân loại chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam***

Bảng tổng hợp kết quả khảo sát dành cho cán bộ kế toán cho thấy các doanh nghiệp nhiệt điện EVN chủ yếu sử dụng cách phân loại chi phí theo khoản mục

(100% các doanh nghiệp đều sử dụng), ngoài ra cách phân loại chi phí theo phạm vi hoạt động cũng được một số doanh nghiệp sử dụng.

Với tiêu thức phân loại chi phí theo khoản mục thì toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành chi phí NVL trực tiếp, chi phí NCTT, chi phí SXC, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và chi phí khác. Trong đó, nội dung chi phí sản xuất được phân loại chi tiết theo khoản mục gồm:

- + Khoản mục chi phí NVL chính trực tiếp chiếm khoảng 55% - 65% trong giá thành sản phẩm

- + Chi phí NVL phụ, bao gồm dầu, mỡ bôi trơn, vật liệu phụ khác.

- + Nhiên liệu là loại vật liệu dùng để cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất điện gồm than cám, dầu FO...

- + Khoản mục chi phí NCTT chiếm khoảng 10% - 15% trong giá thành sản phẩm.

- + Khoản mục chi phí SXC chiếm 20% - 35% trong giá thành sản phẩm.

- + Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp được các công ty phân loại theo nội dung kinh tế. Ngoài ra, còn có một số khoản mục chi phí môi trường như lệ phí nước thải theo Nghị định 67, Chi phí quan trắc môi trường, phí vệ sinh môi trường phải nộp địa phương, ... chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- + Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, chi phí hoạt động tài chính khác

### ***2.3.3. Thực trạng công tác lập định mức và dự toán chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam***

#### ***\* Về định mức chi phí***

Kết quả khảo sát tại các DN nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam cho thấy 100 % DN nhiệt điện EVN đã xây dựng định mức chi phí SXKD cho từng công đoạn theo từng nội dung kinh tế của chi phí SXKD.

- + Về công tác xây dựng định mức chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương: Các doanh nghiệp EVN giao cho phòng Lao động tiền lương lập kế hoạch chi phí, phòng sẽ căn cứ vào số lượng lao động kỳ trước, nhu cầu về nhân lực của các phòng ban, phân xưởng sản xuất, bộ phận quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải và nhiệm vụ SXKD năm của DN để xây dựng kế hoạch về số lượng lao động, tiền lương sản xuất điện, quỹ lương cho Giám đốc, Hội đồng quản trị và ở từng phòng ban.

- + Về định mức khấu hao TSCĐ: chi phí khấu hao TSCĐ được xây dựng căn cứ vào phương pháp khấu hao doanh nghiệp đang áp dụng, trên cơ sở số năm hoạt động và mức năng suất năm.

+ Về xây dựng định mức chi phí khác được tính bằng % so với các chi phí trực tiếp tính theo công đoạn (chi phí trực tiếp bao gồm chi phí vật liệu, nhiên liệu, động lực, tiền lương, khấu hao), thực hiện theo hướng dẫn của Tập đoàn EVN

+ Các doanh nghiệp nhiệt điện EVN không tiến hành xây dựng định mức chi phí tài chính.

Theo kết quả điều tra khảo sát, 85% các doanh nghiệp nhiệt điện EVN sử dụng phương pháp phân tích kỹ thuật để xây dựng định mức chi phí SXKD, 15% các DN sử dụng kết hợp phương pháp khác để xây dựng định mức chi phí SXKD phù hợp với doanh nghiệp mình.

*\* Về dự toán chi phí*

Theo kết quả khảo sát của tác giả, 100% các doanh nghiệp nhiệt điện EVN hiện nay đã tiến hành lập dự toán chi phí SXKD, dự toán được lập theo mô hình tĩnh, với mục đích sử dụng dự toán chi phí cho việc lập kế hoạch 80%, 20% sử dụng cho kiểm soát chi phí. Quá trình lập dự toán có sự tham gia của các phòng ban liên quan bao gồm Ban giám đốc, phòng kế hoạch và phòng kế toán.

Ngoài dự toán chi phí tại các phân xưởng, các doanh nghiệp nhiệt điện EVN còn lập báo cáo dự toán chi phí bộ phận quản lý doanh nghiệp.

**2.3.4. Thực trạng công tác phân tích biến động chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

Theo kết quả khảo sát của tác giả, 100% các doanh nghiệp nhiệt điện EVN hiện đang thực hiện nội dung phân tích biến động chi phí, song do do đặc thù ngành sản xuất nhiệt điện có tỷ trọng chi phí NVL cao trong tổng chi phí SXKD nên các doanh nghiệp này chủ yếu thực hiện công tác phân tích biến động chi phí nguyên nhiên vật liệu và vật tư thiết bị.

**2.3.5. Thực trạng áp dụng kế toán trách nhiệm nhằm xác định các trung tâm chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

Kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam trên thực tế đã áp dụng kế toán trách nhiệm trong đó có việc xác định các trung tâm trách nhiệm - trung tâm chi phí. Tuy vậy, phần lớn các đơn vị sản xuất nhiệt điện trong tập đoàn, mặc dù đã có sự phân cấp quản lý và quy định trách nhiệm đối với người phụ trách bộ phận, không áp dụng hệ thống kế toán trách nhiệm, cũng có những đơn vị chưa hiểu rõ thế nào là trung tâm trách nhiệm và trung tâm chi phí, chưa hiểu rõ tác dụng của việc kiểm soát và đánh giá chi phí thông qua các trung tâm trách nhiệm, trung tâm chi phí.

**2.3.6. Thực trạng áp dụng kế toán quản trị chi phí môi trường tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

Qua tìm hiểu thực tế sản xuất nhiệt điện tại các doanh nghiệp của EVN thông qua công ty CP nhiệt điện Quảng Ninh, tác giả thấy rằng, mặc dù EVN đã có những

biện pháp thiết thực nhằm giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường, song không thể phủ nhận việc xả thải của các DN nhiệt điện đã làm ảnh hưởng đáng kể đến môi trường xung quanh. Với đặc thù sản xuất như vậy, các doanh nghiệp nhiệt điện EVN rất quan tâm đến vấn đề quản lý môi trường vì nó ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín của doanh nghiệp từ đó tác động đến hiệu quả SXKD của DN. Theo đó Kế toán môi trường nói chung và KTQTCP môi trường nói riêng được các nhà quản trị quan tâm và mong muốn áp dụng. Tuy nhiên kết quả khảo sát cho thấy 100% các doanh nghiệp nhiệt điện EVN chưa áp dụng công cụ KTQTCP môi trường tại đơn vị, trong đó có 71% đối tượng trả lời phiếu khảo sát có biết về KT môi trường nhưng không áp dụng, số còn lại không biết về KT môi trường và không áp dụng.

### ***2.3.7. Thực trạng báo cáo kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam***

Kết quả khảo sát của tác giả từ các cán bộ quản lý cho thấy rõ hầu hết các nhà quản lý tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN đã phân biệt được hai lĩnh vực Kế toán tài chính và Kế toán quản trị, theo đó yêu cầu cung cấp các thông tin về KTQTCP thông qua các Báo cáo quản trị là rất cần thiết (48,4%), tuy nhiên 68,5% các nhà quản lý cho rằng thông tin KTQTCP cung cấp để phục vụ công việc điều hành lĩnh vực phụ trách là chưa tốt.

Theo kết quả khảo sát những nhân viên trực tiếp làm làm kế toán tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN, đã có những báo cáo KTQTCP được lập tại công ty là:

- + Báo cáo dự toán chi phí theo phân xưởng
- + Báo cáo tình hình chi phí thực hiện theo phân xưởng
- + Báo cáo giá thành sản phẩm
- + Báo cáo phân tích biến động chi phí: tuy nhiên báo cáo biến động chi phí mới tập trung ở chi phí nguyên nhiên vật liệu, vật tư thiết bị tại một số doanh nghiệp nhiệt điện EVN.

## **2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

### ***2.4.1. Giả thuyết nghiên cứu***

Tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu gồm các giả thuyết sau:

Giả thuyết H1: Nhân tố Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến KTQTCP

Giả thuyết H2: Nhân tố Quan điểm của các nhà quản trị doanh nghiệp

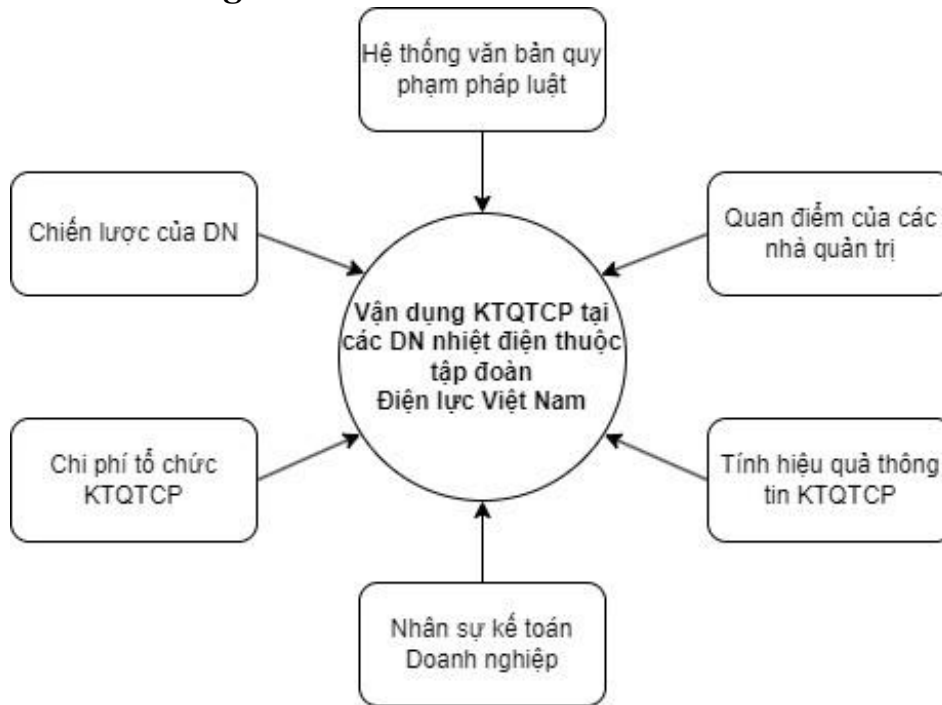
Giả thuyết H3: Nhân tố Chiến lược của doanh nghiệp

Giả thuyết H4: Nhân tố Tính hiệu quả thông tin Kế toán quản trị chi phí

Giả thuyết H5: Nhân tố Chi phí tổ chức Kế toán quản trị chi phí

Giả thuyết H6: Nhân tố Nhân sự kế toán doanh nghiệp

### 2.4.2. Mô hình nghiên cứu



**Hình 2.1. Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

Phương trình nghiên cứu:

$$Y = a_0 + a_1X_1 + a_2X_2 + a_3X_3 + a_4X_4 + a_5X_5 + a_6X_6$$

Trong đó:

Y: Việc vận dụng KTQTCP tại DN

X1: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

X2: Quan điểm của các nhà quản trị

X3: Chiến lược của doanh nghiệp

X4: Tính hiệu quả thông tin Kế toán quản trị

X5: Chi phí tổ chức Kế toán quản trị chi phí

X6: Nhân sự kế toán doanh nghiệp

### 2.4.3. Xây dựng thang đo

**Bảng 2.1. Bảng tổng hợp các biến quan sát đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP tại doanh nghiệp**

Nhân tố ảnh hưởng	Biến quan sát
Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến KTQTCP	Tính đầy đủ của hệ thống văn bản pháp luật về KTQTCP Tính cường chế của hệ thống văn bản pháp luật về KTQTCP



<b>Quan điểm của các nhà quản trị doanh nghiệp</b>	Nhà quản trị hiểu biết về Kế toán quản trị Nhà quản trị có nhu cầu sử dụng thông tin của Kế toán quản trị chi phí cung cấp Nhà quản trị chấp nhận các chi phí phát sinh trong việc áp dụng các công cụ Kế toán quản trị chi phí
<b>Chiến lược của doanh nghiệp</b>	Sứ mệnh doanh nghiệp được xác định rõ ràng Mục tiêu chiến lược được doanh nghiệp xây dựng cụ thể Chiến lược doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững và chú trọng tới các vấn đề xử lý môi trường trong sản xuất kinh doanh
<b>Tính hiệu quả thông tin Kế toán quản trị chi phí đem lại</b>	Thông tin Kế toán quản trị chi phí được cung cấp kịp thời, đầy đủ Thông tin Kế toán quản trị chi phí có tính dự báo Thông tin thích hợp của Kế toán quản trị chi phí giúp ích cho nhà quản trị trong việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn
<b>Chi phí tổ chức Kế toán quản trị chi phí</b>	Chi phí về đầu tư công nghệ phục vụ công tác Kế toán quản trị chi phí Chi phí trả cho các tổ chức/chuyên gia tư vấn về Kế toán quản trị chi phí Chi phí trả cho nhân sự trực tiếp làm công tác Kế toán quản trị chi phí
<b>Nhân sự kế toán doanh nghiệp</b>	Nhân sự kế toán của doanh nghiệp được đào tạo bài bản Nhân sự kế toán có chuyên môn sâu về Kế toán quản trị chi phí Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc của nhân sự kế toán

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

#### **2.4.4. Kết quả nghiên cứu định lượng**

Nghiên cứu sử dụng mô hình nhân tố khám phá EFA, có số biến độc lập đưa vào phân tích là 6, vậy cỡ mẫu tối thiểu  $n = 50 + 8 \cdot 6 = 98$  là phù hợp trong việc chạy phân tích EFA và hồi quy bội. Với số phiếu khảo sát hợp lệ thu về là 142, nghiên cứu có cỡ mẫu khảo sát  $n = 142$  là hoàn toàn đạt yêu cầu. Kết quả khảo sát thu được đã được xử lý trên phần mềm SPSS 22.0 để thực hiện các phân tích chuyên sâu.

##### **2.4.1.1. Kiểm định chất lượng của thang đo**

Theo tổng hợp của tác giả, kết quả tính toán Cronbach's Alpha tổng thể mẫu cho thấy nhóm các yếu tố khảo sát được trả về trong các giá trị Cronbach's Alpha đều ở mức  $> 0,6$ , phần lớn các nhân tố riêng lẻ có giá trị Cronbach's Alpha  $> 0,3$ , vì

vậy các câu hỏi điều tra của tác giả được coi là có ý nghĩa đáng kể.

#### **2.4.1.2. Phân tích nhân tố khám phá - EFA**

Kết quả kiểm định KMO và Bartlett của nghiên cứu cho thấy hệ số KMO = 0,953 > 0,5 thể hiện phân tích nhân tố khám phá là thích hợp với bộ dữ liệu nghiên cứu, đồng thời giá trị Sig. của kiểm định Bartlett = 0,000 < 0,05 có nghĩa các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện.

Kiểm định phương sai trích (% cumulative variance) của các yếu tố, ta thấy trong bảng tổng hợp phương Total Variance Explained, phương sai cộng dồn của các yếu tố (cumulative %) là 81,937% thỏa mãn tiêu chuẩn phương sai trích phải >50%. Kết quả nghiên cứu này có 7 nhân tố đại diện đảm bảo được tiêu chuẩn có Eigenvalue >1.

Kết quả ma trận xoay các nhân tố bảo đảm yêu cầu về hệ số tải, các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố (Factor loading) lớn hơn 0,5 nên không có nhân tố nào bị loại ra khỏi mô hình. Có 7 nhân tố đại diện cho tác động đến Vận dụng Kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam, gồm:

Nhóm nhân tố 1(X1) gồm 2 biến quan sát thuộc nhân tố Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Nhóm nhân tố 2(X2) gồm 3 biến quan sát thuộc nhân tố Quan điểm của các nhà quản trị doanh nghiệp

Nhóm nhân tố 3(X3) gồm 3 biến quan sát thuộc nhân tố Chiến lược của doanh nghiệp

Nhóm nhân tố 4(X4) gồm 3 biến quan sát thuộc nhân tố Tính hiệu quả thông tin Kế toán quản trị chi phí

Nhóm nhân tố 5(X5) gồm 3 biến quan sát thuộc nhân tố Chi phí tổ chức Kế toán quản trị chi phí

Nhóm nhân tố 6(X6) gồm 3 biến quan sát thuộc nhân tố Nhân sự kế toán doanh nghiệp

#### **2.4.1.3. Kiểm định sự tương quan**

Kết quả kiểm định sự tương quan cho thấy 6 giả thuyết đều được chấp nhận trong nghiên cứu.

#### **2.4.1.4. Phân tích hồi quy đa biến**

a. Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

Giá trị R<sup>2</sup> (Adjusted R Square) của kết quả nghiên cứu là 0.732 cho thấy các biến độc lập có ảnh hưởng đáng kể đến biến phụ thuộc.

b. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy giá trị  $F = 168,511$  với các biến độc lập có  $\text{Sig.} = 0.000 (< 0.05)$ , vì vậy có thể đi đến kết luận rằng có sự khác biệt thống kê giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc và mô hình hồi quy tuyến tính xây dựng là phù hợp với tổng thể.

Theo đó mô hình hồi quy chuẩn hóa các nhân tố sẽ là:

$$Y = -0,030 + 0,133X_1 + 0,069X_2 + 0,098X_3 + 0,122X_4 + 0,204X_5 + 0,406X_6$$

## **2.5. Đánh giá thực trạng kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

### **2.5.1. Những kết quả đã đạt được**

*Về cơ cấu tổ chức (cơ cấu bộ máy quản lý, cơ cấu bộ phận kế toán, quy trình tổ chức quản lý, quy trình tổ chức sản xuất):* các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam hiện có cơ cấu tổ chức khá phù hợp và đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu đặt ra.

*Về việc áp dụng các chính sách, chế độ kế toán:* Về cơ bản các công ty đều áp dụng đúng, đủ các chính sách, chế độ kế toán, tài chính được quy định hiện hành.

*Về xây dựng định mức và lập dự toán chi phí:* hệ thống định mức chi phí được xây dựng ở các công ty nhằm phục vụ cho việc kiểm soát chi phí.

*Về mô hình tổ chức KTQT:* có thể khẳng định mô hình tổ chức công tác KTQTCP cũng như áp dụng các nội dung KTQT tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN là chưa rõ nét, đang lẫn lộn với KTTC.

### **2.5.2. Những hạn chế cần khắc phục**

*Tổ chức Bộ máy KTQT:* thực tế bộ máy kế toán hiện nay tại các doanh nghiệp nhiệt điện vẫn chỉ mới thể hiện ở phương diện KTTC, hình ảnh KTQT trong tổ chức công tác kế toán vẫn còn mờ nhạt.

*Nhận diện và phân loại chi phí:* Đây là một nội dung được thực hiện chưa đầy đủ tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN, chưa chú trọng nhận diện, phân loại theo KTQTCP.

*Hệ thống định mức và lập dự toán:* Hiện nay các doanh nghiệp nhiệt điện EVN đã sử dụng định mức trong sản xuất, riêng định mức NVL được lập căn cứ trên định mức của tập đoàn EVN ban hành nên thiếu tính linh hoạt khi áp dụng tại từng đơn vị sản xuất. Bên cạnh đó các định mức và dự toán chi phí khác cũng chưa được xây dựng một cách đầy đủ tại các đơn vị này.

*Phân tích biến động chi phí:* Các doanh nghiệp nhiệt điện EVN mới chỉ thực hiện phân tích biến động chi phí NVL, song mới chỉ chú trọng ở phân tích biến động về mặt lượng, chưa thực sự đi sâu vào phân tích nguyên nhân một cách sâu sắc và chưa xác định rõ các nhân tố ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng cũng như các nhà quản lý chưa sử dụng các thông tin KTQT này phục vụ cho quá trình ra quyết định.

*Trung tâm trách nhiệm chi phí:* Mô hình Kế toán trách nhiệm chưa được thực hiện đầy đủ tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN do đó các đơn vị này chưa xác định được toàn bộ các trung tâm chi phí trong tổ chức để có thể phân cấp rõ ràng về trách nhiệm kiểm soát chi phí đối với người đứng đầu.

*Kế toán quản trị chi phí môi trường:* Chưa được áp dụng

*Kế toán chi phí dòng nguyên vật liệu:* Chưa được áp dụng

*Hệ thống báo cáo KTQTCP:* chưa được xây dựng và lập một cách có hệ thống, đồng bộ, ảnh hưởng đến thông tin KTQTCP cung cấp.

### **2.5.3. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế**

+ Xuất phát từ yếu tố khách quan

+ Nguyên nhân chủ quan

## **TÓM TẮT CHƯƠNG 2**

### **CHƯƠNG 3**

## **CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHIỆT ĐIỆN THUỘC TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

**3.1. Định hướng phát triển của các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn điện lực Việt Nam**

**3.1.1. Định hướng phát triển của ngành nhiệt điện**

**3.1.2. Định hướng phát triển của tập đoàn Điện lực Việt Nam và các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

\* Tầm nhìn

\* Sứ Mệnh

\* Chiến lược của tổ chức

\* Định hướng phát triển của các doanh nghiệp nhiệt điện EVN

\* Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam

**3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí cho các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

### **3.3. Các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

#### **3.3.1. Hoàn thiện tổ chức Bộ máy kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

Với mô hình hỗn hợp, các công ty sẽ tận dụng được nhân sự kế toán, các phần hành trong bộ phận kế toán có mối quan hệ chặt chẽ hơn trong việc cung cấp và xử lý thông tin.

#### **3.3.2. Hoàn thiện nhận diện và phân loại chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

(1) Đề xuất phân loại chi phí theo mức độ hoạt động (phân loại theo ứng xử chi phí)

(2) Đề xuất phân loại chi phí theo khả năng kiểm soát chi phí

#### **3.3.3. Hoàn thiện công tác lập định mức và dự toán chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

##### *a. Hoàn thiện xây dựng định mức chi phí*

Hiện nay, các định mức chi phí tại DN nhiệt điện EVN được xây dựng chưa đầy đủ và bao quát hết tất cả các loại chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh mà mới chỉ tập trung vào việc xây dựng định mức nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất điện. Đặc biệt, các khoản mục chi phí SXC, chi phí bán hàng và QLDN chưa được các doanh nghiệp nhiệt điện EVN quan tâm xây dựng định mức, đặc biệt việc *xây dựng định mức chi phí vật liệu xử lý chất thải* cũng chưa được quan tâm đến. Vì vậy, tác giả có một số đề xuất trong việc xây dựng định mức chi phí SXKD tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN như sau:

(1) *Đối với định mức nguyên nhiên vật liệu*: cần bổ sung việc xây dựng định mức chi phí vật liệu xử lý chất thải.

(2) *Đối với định mức chi phí nhân công trực tiếp*: các doanh nghiệp nhiệt điện EVN cần chủ động xây dựng đơn giá chi tiết cho các bước cụ thể theo từng phân xưởng phù hợp với tình hình sản xuất điện thực tế và cần bổ sung việc xây dựng định mức nhân công xử lý chất thải.

(3) *Đối với định mức chi phí sản xuất chung*: các doanh nghiệp nhiệt điện EVN cũng cần chú ý đến việc xây dựng định mức sản xuất chung nằm trong nội dung chi phí môi trường, liên quan đến công tác xử lý chất thải như chi phí khấu hao, chi phí khác bằng tiền, chi phí dịch vụ thuê ngoài, chi phí tổ trưởng nhân công xử lý chất thải, ... dựa theo số liệu thực tế của kỳ trước để điều chỉnh phù hợp cho kỳ này.

(4) *Đối với định mức chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp*: cần xây dựng định mức chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến vấn đề môi trường như chi phí quan trắc môi trường, chi phí đào tạo tập huấn về môi trường, chi phí

trồng cây xanh....Các chi phí này nên được phân chia theo các yếu tố cụ thể để lập định mức cho phù hợp.

(5) *Đối với định mức chi phí tài chính*

*b. Hoàn thiện lập dự toán chi phí SXKD*

(1) *Đối với Dự toán chi phí nguyên nhiên vật liệu:*

Cần bổ sung vào dự toán chi phí nguyên nhiên vật liệu số liệu liên quan đến dự toán chi phí vật tư xử lý chất thải

$$\text{Dự toán chi phí vật tư xử lý chất thải} = \text{Lượng vật tư xử lý chất thải kế hoạch} \times \text{Đơn giá vật tư xử lý chất thải}$$

(2) *Đối với dự toán chi phí nhân công trực tiếp:*

Các doanh nghiệp nhiệt điện EVN cần bổ sung Dự toán chi phí nhân công xử lý chất thải căn cứ theo thời gian lao động cần thiết để xử lý chất thải kế hoạch và đơn giá nhân công.

(3) *Đối với dự toán chi phí sản xuất chung:*

Khi lập dự toán cần dự toán riêng phần biến phí và định phí căn cứ theo tổng thời gian lao động trực tiếp và đơn giá chi phí chung vì định phí sản xuất chung thường không thay đổi so với thực tế. Các doanh nghiệp nhiệt điện EVN cũng cần chú ý bổ sung nội dung dự toán chi phí sản xuất chung liên quan đến công tác xử lý chất thải như chi phí khấu hao, chi phí khác bằng tiền, chi phí dịch vụ thuê ngoài, chi phí tổ trưởng nhân công xử lý chất thải,

(4) *Đối với dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp*

Với đặc thù của các doanh nghiệp sản xuất nhiệt điện EVN là được ấn định đơn vị mua điện, các đơn vị này chỉ tập trung vào dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp. Xuyên suốt với vấn đề cần kiểm soát riêng đối với các chi phí liên quan đến môi trường, các doanh nghiệp nhiệt điện EVN cũng cần lập bổ sung số liệu dự toán của các chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến hoạt động môi trường và xử lý chất thải như chi phí quan trắc môi trường, chi phí đào tạo tập huấn về môi trường, chi phí trồng cây xanh

(5) *Đối với dự toán chi phí tài chính*

(6) *Đối với phương pháp lập dự toán:* phương pháp lập dự toán tĩnh là phù hợp với đặc điểm của các doanh nghiệp nhiệt điện EVN.

### **3.3.4. Hoàn thiện phân tích biến động chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

Theo đề xuất của tác giả, bên cạnh việc duy trì công tác phân tích biến động lượng chi phí NVL như hiện nay, công tác KTQCTCP cần bổ sung thêm các nội dung và khía cạnh phân tích biến động chi phí khác, phản ánh đầy đủ sự biến động các mặt của các chi phí sxkd tại đơn vị, cung cấp mảng thông tin quan trọng cho công tác quản lý chi phí của các nhà quản trị.

### **3.3.5. Hoàn thiện kế toán trách nhiệm nhằm xác định các trung tâm chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

Theo phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả đi sâu vào giải pháp thiết lập các trung tâm chi phí SXKD. Nghiên cứu Kế toán trách nhiệm trong điều kiện sản xuất kinh doanh mang tính đặc thù của các doanh nghiệp sản xuất nhiệt điện EVN, tác giả đề xuất thiết lập mô hình các trung tâm chi phí.

Có thể sử dụng các chỉ tiêu sau: tỷ lệ chi phí thực tế so với dự toán, tỷ lệ giảm chi phí so với năm trước, giá thành đơn vị sản phẩm hoặc tỷ lệ giảm giá thành, v.v... để đánh giá hiệu quả hoạt động của trung tâm chi phí SXKD

+ Chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành của chi phí SXKD:

Chênh lệch = Chi phí SXKD thực tế - Chi phí SXKD định mức (dự toán)

+ Chỉ tiêu kiểm soát chi phí SXKD trên doanh thu

$$\text{Tỷ suất chi phí SXKD} = \frac{\text{Tổng chi phí SXKD}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100$$

DN có thể tính toán mức tiết kiệm (lãng phí) chi phí SXKD bằng công thức:

$$\begin{aligned} \text{Mức tiết kiệm} & \quad \text{(Tỷ suất chi phí} \\ \text{(lãng phí) chi} & \quad \text{SXKD thực tế - Tỷ} \\ \text{phí SXKD} & \quad \text{suất chi phí SXKD} \quad \times \quad \text{Doanh thu thực tế} \\ & \quad \text{kế hoạch)} \end{aligned}$$

Và để đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm chi phí, cần phải lập dự toán và báo cáo hoạt động theo từng trung tâm.

### **3.3.6. Hoàn thiện Kế toán quản trị chi phí môi trường tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

Việc áp dụng kế toán môi trường tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN là một giải pháp phù hợp với định hướng phát triển bền vững. Thực hiện khảo sát các nhà quản trị và cán bộ kế toán về việc vận dụng kế toán môi trường tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN cũng như tiến hành phỏng vấn sâu các chuyên gia về quan điểm này, tác giả thu được kết quả với sự ủng hộ cao

(1) Để vận dụng được KTQTCP môi trường tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN, trước hết cần cải tiến khâu tổ chức chứng từ kế toán và hạch toán ban đầu cho phù hợp.

(2) Vận dụng KTQTCP môi trường tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN cần được đồng bộ hóa với việc tổ chức tài khoản kế toán và sổ kế toán tài chính nhằm tạo thuận lợi cho việc thu thập thông tin chi phí môi trường.

(3) Lập báo cáo KTQTCP môi trường

Hệ thống báo cáo kế toán quản trị của doanh nghiệp cần được hoàn thiện với việc bổ sung thêm thông tin tài chính môi trường một cách riêng biệt nhất là thông tin về chi phí môi trường. Một báo cáo KTQTCP môi trường đầy đủ, chi tiết có thể

cung cấp thông tin tiền tệ và đo lường chi phí môi trường của doanh nghiệp ở cả thước đo hiện vật nếu cần. Trong phạm vi luận án, tác giả đề xuất một số mẫu báo cáo KTQTCP môi trường phù hợp có thể áp dụng tại các DN nhiệt điện EVN.

### **3.3.7. Vận dụng MFCA tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**

Theo tác giả, việc ứng dụng MFCA sẽ rất hữu ích đối với các doanh nghiệp sản xuất nhiệt điện EVN, sẽ giúp các doanh nghiệp bóc tách chi phí sản xuất nằm trong sản phẩm điện, và chi phí sản xuất nằm trong chất thải tro, xỉ, bụi một cách riêng rẽ, là cơ sở cho việc xác định lãng phí đang nằm ở đâu, từ đó tìm ra các giải pháp hữu ích giảm thiểu phát thải ra môi trường, hạn chế việc tiêu hao chi phí sản xuất vào chất thải hoặc có biện pháp cải tiến phù hợp tái sử dụng chất thải. Thông qua MFCA, sự cân bằng vật chất của đầu vào và đầu ra được liên kết với các đơn vị tiền tệ bằng cách phân bổ hoặc gán chi phí cho tất cả các sản phẩm và tổn thất nguyên vật liệu. Quy trình MFCA được đề xuất vận dụng tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN theo các nội dung cơ bản sau:

#### **(1) Tổng hợp chi phí sản xuất theo MFCA**

MFCA xem xét bốn loại chi phí (theo ISO 14051: 2011), tất cả đều được phân bổ cho cả sản phẩm và tổn thất nguyên vật liệu. Tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN, bốn loại chi phí được tổng hợp theo MFCA bao gồm:

- Chi phí vật liệu (MC)
- Chi phí năng lượng (EC)
- Chi phí hệ thống (SC)
- Chi phí quản lý chất thải (WMC)

Các doanh nghiệp nhiệt điện EVN cần lập bảng tổng hợp chi phí cho bốn loại chi phí kể trên (có mẫu biểu minh họa)

#### **(2) Phân tích chi phí theo MFCA.**

Trong phân tích MFCA, tổng lượng đầu vào của NVL phải bằng tổng lượng đầu ra (gồm cả sản phẩm chính và chất thải sản xuất).

Phương trình cân bằng dòng vật liệu như sau:

**Lượng vật liệu đầu vào = Lượng vật liệu tạo ra sản phẩm + Lượng chất thải**

**Chi phí vật liệu của sản phẩm = Lượng vật liệu tạo ra sản phẩm x Đơn giá vật liệu**

**Chi phí vật liệu của chất thải = Lượng chất thải x Đơn giá vật liệu**

Dựa vào dữ liệu thu thập từ bộ phận kế toán, sản xuất và quản lý môi trường, tác giả đã xây dựng bảng cân bằng vật liệu theo thước đo hiện vật về toàn bộ quy trình sản xuất điện và mẫu bảng phân bổ vật liệu cho từng trung tâm khối lượng.

### **3.3.8. Hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam**



*Nhóm báo cáo để lập kế hoạch và định hướng hoạt động:* Có thể lập những báo cáo dự toán chi phí của khu vực sản xuất và khu vực ngoài sản xuất gắn với từng TTCP như:

- + Báo cáo dự toán chi phí tại từng phân xưởng
- + Báo cáo dự toán chi phí bộ phận kinh doanh
- + Báo cáo dự toán chi phí bộ phận quản lý doanh nghiệp
- + Báo cáo dự toán chi phí toàn doanh nghiệp

*Nhóm báo cáo phục vụ kiểm soát chi phí:* Bao gồm một số báo cáo sau:

- + Báo cáo thực hiện chi phí tại từng phân xưởng
- + Báo cáo thực hiện chi phí bộ phận kinh doanh
- + Báo cáo thực hiện chi phí bộ phận quản lý doanh nghiệp
- + Báo cáo thực hiện chi phí toàn doanh nghiệp

*Nhóm báo cáo quản trị phục vụ cho việc ra quyết định:* Nhóm này có thể là các báo cáo phân tích chênh lệch chi phí; báo cáo phân tích thông tin thích hợp trong việc lựa chọn phương án hay báo cáo bộ phận.

*Báo cáo KTQTCP môi trường:* các báo cáo KTQTCP môi trường bao gồm:

- + Báo cáo dự toán chi phí môi trường
- + Báo cáo chi phí môi trường
- + Báo cáo phân tích biến động chi phí môi trường

### **3.4. Những khuyến nghị từ kết quả nghiên cứu**

#### **3.4.1. Về phía các cơ quan Nhà nước**

- (1) Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật
- (2) Định hướng chung cho phát triển ngành nhiệt điện
- (3) Thành lập hiệp hội kế toán quản trị

#### **3.4.2. Về phía doanh nghiệp**

(1) Nâng cao quan điểm của các nhà quản trị về KTQT và vận dụng KTQTCP tại đơn vị.

- (2) Nâng cao trình độ và năng lực của nhân viên kế toán
- (3) Chú trọng vấn đề môi trường khi xây dựng chiến lược kinh doanh

## **TÓM TẮT CHƯƠNG 3**

### **KẾT LUẬN**

Với các mục tiêu nghiên cứu được xây dựng rõ ràng, luận án đã tiến hành tổng hợp cơ sở lý luận về KTQTCP trong các DNSX và hệ thống các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng KTQTCP tại các DN. Dựa trên tổng quan các nghiên cứu

trước, luận án kế thừa các biên quan sát phản ánh mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc vận dụng KTQTCP tại DN, đồng thời đánh giá thực trạng vận dụng KTQTCP tại các doanh nghiệp nhiệt điện thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam thông qua nghiên cứu định lượng và định tính. Kết quả nghiên cứu định lượng phát hiện 6 nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN

Những phát hiện từ kết quả nghiên cứu là cơ sở để luận án đề xuất các giải pháp hoàn thiện KTQTCP tại các doanh nghiệp nhiệt điện EVN, đồng thời đưa ra các khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý, đối với các doanh nghiệp nhiệt điện nhằm tăng cường khả năng vận dụng các giải pháp hoàn thiện KTQTCP đã được đề xuất.

Mặc dù luận án đã đạt được mục tiêu đề ra và có những đóng góp nhất định về mặt lý luận và thực tiễn, song đề tài vẫn không tránh khỏi một số hạn chế nhất định như: mức độ tổng quát hóa của nghiên cứu còn bị hạn chế, chưa vận dụng đo lường chính xác bằng số liệu thực tế cũng như chưa tìm hiểu tác động về mặt thực tiễn sau khi ứng dụng MFCA, chưa so sánh được sự khác biệt về số liệu giữa phương pháp MFCA và phương pháp truyền thống DN đang thực hiện.

# DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

## I. Các bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước

1. Nguyễn Thị Kim Chi (2022), Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp nhiệt điện Việt Nam, *Tạp chí Tài chính*, Kỳ 2 - tháng 6 năm 2022 (779), Trang 138-141.
2. Nguyễn Thị Kim Chi (2022), Kế toán quản trị chi phí và kết quả một số nghiên cứu kế toán quản trị trong DN sản xuất, *Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, số 610, tháng 5/2022, Trang 107-109.
3. Nguyễn Thị Kim Chi, Đinh Thị Lan (2021), Vận dụng kế toán môi trường tại một số doanh nghiệp nhiệt điện thuộc Tổng công ty Điện Lực Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, số 588, tháng 5/2021, trang 98-100
4. Nguyễn Thị Kim Chi, Đinh Thị Lan, Nguyễn Ngọc Hiền (2020), Vận dụng kế toán môi trường trong hạch toán chi phí xử lý tro, xỉ, thạch cao tại các nhà máy phân bón hoá chất VN, *Hội thảo khoa học Quốc gia: Tăng trưởng xanh - Quản trị và phát triển doanh nghiệp*, Trang 407- 418
5. Ngô Thị Thúy Ngân, Nguyễn Thị Kim Chi, Lê Quỳnh Anh (2020), Kinh nghiệm áp dụng thẻ điểm cân bằng cho các trường Đại học công lập theo cơ chế tự chủ ở Việt Nam hiện nay, *Hội thảo khoa học Quốc gia: Tăng trưởng xanh - Quản trị và phát triển doanh nghiệp*, Trang 682 - 690
6. Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Thị Kim Chi (2020), Kế toán chi phí xử lý nước thải công nghiệp tại các nhà máy hoá chất phân bón của VN, *Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, số 564, tháng 5/2020, Trang 94 - 96
7. Nguyễn Thị Kim Chi, Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Đức Quang (2019), Chuẩn mực kế toán liên quan đến hạch toán chi phí môi trường trong DN hiện nay, *Tạp chí Tài chính* số 704, tháng 5/2019, Trang 126-128.
8. Đinh Thị Lan, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Kim Chi (2019), Áp dụng IFRS tại một số nước Đông Nam Á và bài học kinh nghiệm cho VN, *Hội thảo quốc gia: “Đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực cạnh tranh của Doanh nghiệp Việt Nam”* Trang 249 - 253.

9. Nguyễn Thị Kim Chi, Nguyễn Ngọc Hiền, Đinh Thị Lan (2019), Ghi nhận và đo lường tài sản sinh học theo IAS 41, thực trạng và một số khuyến nghị về kế toán tài sản sinh học tại VN hiện nay, *Hội thảo quốc gia: “Đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực cạnh tranh của Doanh nghiệp Việt Nam”* Trang 221 - 225.
10. Nguyễn Thị Kim Chi, Ngô Thị Thúy Ngân, Trần Thu Huyền (2017), Ứng dụng Thẻ điểm cân bằng trong quản trị giáo dục đại học - Cơ hội và thách thức, Hội thảo khoa học: Kế toán - Kiểm toán và nền kinh tế Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - ĐH Quy Nhơn, trang 561-569.
11. Nguyễn Thị Kim Chi, Ngô Thị Thúy Ngân (2016), Vận dụng phương pháp ABC (Activity - Based Costing) trong việc xác định chi phí đào tạo theo cơ chế tự chủ tài chính tại trường ĐH Điện lực, Hội thảo khoa học: Kỷ niệm 50 năm thành lập trường ĐH Điện lực.
12. Nguyễn Thị Kim Chi (2016), Giải pháp để tối ưu hóa chi phí ở các doanh nghiệp Điện lực, Tạp chí Thanh tra Tài chính, số 167, tháng 5-2016, trang 51-52

## **II. Các bài báo đăng trên Hội thảo quốc tế**

### **III. Các đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đã tham gia**

13. Nguyễn Tô Tâm và nhóm nghiên cứu (2019), Nghiên cứu công cụ phân tích dòng nguyên vật liệu nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất trong các doanh nghiệp nhiệt điện, Đề tài cấp bộ - Mã số: 2019-24-0228/KQNC, Thành viên tham gia.
14. Ngô Thị Thúy Ngân , Nguyễn Thị Kim Chi (2018), Ứng dụng mô hình Thẻ điểm cân bằng tại trường Đại học Điện lực theo cơ chế tự chủ tài chính, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường - Thành viên tham gia.

### **IV. Tài liệu tham khảo, giáo trình đã tham gia biên soạn**

#### **\* Giáo trình**

15. Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi, Trần Thu Huyền (2018), Giáo trình Tổ chức công tác Kế toán trong Doanh nghiệp, NXB Giáo dục, tham gia biên soạn

#### **\* Tài liệu tham khảo**

16. Nguyễn Thị Kim Chi, Nguyễn Ngọc Hiền và các thành viên tham gia biên soạn (2021), Tài liệu hướng dẫn Thực hành môn học ngành Kế toán, tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành Kế toán trường Đại học Điện lực, chủ biên.